

Trao đổi KHKT - Hoạt động ngành

MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH TRONG CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG BỆNH ĐẠI GIAI ĐOẠN 2017-2021

(Nguồn từ Cục Thú y)

Bệnh dại là bệnh do súc vật truyền cho người, chủ yếu là chó nhà và cũng như bệnh cúm gia cầm, nguồn truyền bệnh sang người là động vật bị bệnh. Vấn đề mấu chốt là phải giải quyết từ nguồn truyền bệnh ở động vật từ ngành Thú y, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là nơi giám sát và phát hiện các ổ dịch dại trên động vật để phối hợp với Bộ Y tế và chính quyền thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh dại. Do thói quen của người dân là nuôi chó thả rông, ít có ý thức đến việc quản lý và tiêm vaccin phòng bệnh dại cho chó, nên nguồn truyền bệnh lưu hành rộng rãi và luôn là mối nguy cơ cao cho người. Vì vậy, cần có sự phối hợp thực hiện một chương trình hành động chung để ngăn ngừa và kiểm soát bệnh dại tại Việt Nam.

"Chương trình quốc gia khống chế và tiến tới loại trừ bệnh dại giai đoạn 2017-2021" đã được Thủ tướng chính phủ ra Quyết định phê duyệt số 193/QĐ-TTG ngày 13/2/2017. *Tạp chí KHKT thú y* xin giới thiệu: Mục tiêu và giải pháp kỹ thuật trong chương trình đó.

MỤC TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

I. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung:

Khống chế bệnh dại trên đàn chó nuôi và trên người vào năm 2020 nhằm tiến tới loại trừ bệnh dại.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Trên 70% số chó tại xã, phường, thị trấn được quản lý.
- Trên 70% tổng đàn chó được tiêm phòng vaccin dại.
- Trên 70% số tỉnh không có ca bệnh dại trên chó trong 2 năm liên tiếp.
- Hàng năm giảm 20% số ca tử vong do dại trên người; đến năm 2020, không còn tình nguy cơ cao trên người.

II. PHÂN VÙNG DỰA TRÊN NGUY CƠ

2.1. Các tỉnh có nguy cơ cao (≥ 10 người tử vong do bệnh dại)

Bao gồm 16 tỉnh, thành phố sau đây: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Điện Biên, Yên Bái, Lào Cai, Sơn La, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang, Cao Bằng, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Gia Lai.

Các tỉnh có nguy cơ cao, căn cứ thực trạng tình hình bệnh dại trên địa bàn, tiếp tục xác định khu vực có nguy cơ và ưu tiên nguồn lực triển khai các giải pháp quan trọng nhằm nhanh chóng giảm mức độ nguy cơ.

2.2. Các tỉnh có nguy cơ trung bình (từ 2-9 người tử vong do bệnh dại)

Bao gồm 20 tỉnh, thành phố sau đây: Hà Nội, Lai Châu, Bắc Giang, Bắc Kạn, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Bình Định, Phú Yên, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Ninh Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh, Long An,

Kiên Giang, Trà Vinh và Đồng Tháp.

Các tỉnh có nguy cơ trung bình, căn cứ thực trạng tình hình bệnh dại trên địa bàn, tiếp tục xác định khu vực có nguy cơ và ưu tiên nguồn lực để tăng cường các giải pháp quan trọng nhằm giảm mức độ nguy cơ hoặc không chế được bệnh dại.

2.3. Các tỉnh có nguy cơ thấp (từ 0-1 người tử vong do bệnh dại)

Bao gồm 27 tỉnh, thành phố sau đây: Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Hải Phòng, Thái Bình, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Bình, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Đắk Nông, Kon Tum, Bình Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, An Giang, Tiền Giang, Bến Tre, Sóc Trăng, Cần Thơ, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Hậu Giang và Cà Mau.

Các tỉnh có nguy cơ thấp, căn cứ thực trạng tình hình bệnh dại trên địa bàn, tiếp tục xác định khu vực có nguy cơ và ưu tiên nguồn lực triển khai các giải pháp quan trọng nhằm không chế bền vững bệnh dại và tiến tới loại trừ bệnh dại trên địa bàn.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

3.1. Quản lý chó nuôi

- UBND cấp xã trực tiếp quản lý việc nuôi chó trên địa bàn xã để hỗ trợ và đánh giá kết quả công tác tiêm phòng dại của xã (Lập danh sách/sổ quản lý chó nuôi, hằng năm cập nhật số liệu chó nuôi từ cấp thôn trước đợt tiêm phòng để cung cấp cho cơ quan thú y).

- Trưởng thôn trực tiếp quản lý việc nuôi chó trên địa bàn thôn để hỗ trợ và đánh giá kết quả công tác tiêm phòng dại của thôn (trưởng thôn thực hiện thống kê, cập nhật số lượng chó nuôi trước đợt tiêm phòng hằng năm; lập danh sách/sổ quản lý chó nuôi và báo cáo UBND cấp xã).

- Chủ nuôi chó ở khu vực đô thị, nơi đông dân cư thực hiện đăng ký nuôi chó với chính quyền địa phương thông qua hình thức khai báo việc nuôi chó với cấp trưởng thôn/ UBND cấp xã.

- Chủ nuôi chó cam kết nuôi nhốt (hoặc xích), giữ chó trong khuôn viên của gia đình. Nếu thả rông chó ra nơi công cộng sẽ bị xử phạt theo Nghị định số 167/2013/NĐ-CP của chính phủ.

- Khuyến khích áp dụng thí điểm việc đeo thẻ (vòng cổ có thẻ nhựa hoặc kim loại) cho chó đã được tiêm phòng vacxin dại tại các địa phương, đặc biệt ở khu vực thành phố, thị xã.

3.2. Tiêm phòng vacxin dại cho đàn chó

- UBND tỉnh, huyện phát động tháng cao điểm tiêm phòng vacxin dại cho chó, mèo vào tháng 3-4 hằng năm; thực hiện tiêm bổ sung chó mèo bị bỏ sót hoặc mới phát sinh, bảo đảm mỗi con được tiêm 1 lần trong năm; bảo đảm tỷ lệ tiêm phòng đạt mức như mục tiêu đã đề ra.

- UBND cấp xã tổ chức đợt tiêm phòng tập trung theo địa bàn từng thôn, ấp, bản hoặc cụm dân cư, giao cho nhân viên thú y của xã thực hiện tiêm phòng với sự hỗ trợ của Trưởng thôn/ chính quyền cấp xã. Xã không có nhân viên thú y thì cán bộ trạm thú y cấp huyện trực tiếp thực hiện tiêm phòng.

- Nhân viên thú y thực hiện tiêm phòng vacxin dại cho chó và cấp giấy chứng nhận tiêm phòng theo quy định.

- Đề xuất chính phủ xem xét, bổ sung việc hỗ trợ vacxin dại động vật cho các huyện nghèo 30a.

- Lập quỹ dự phòng vắc-xin dại để tiêm bao vây khẩn cấp ổ dịch dại trên đàn chó (dự phòng ít nhất 500 nghìn liều vacxin dại).

- Đề nghị UBND các cấp xem xét, hỗ trợ vacxin dại tiêm phòng cho chó tại địa phương trong giai đoạn 2017 - 2020 từ nguồn ngân sách địa phương để không chế bệnh dại; sau năm 2020 sẽ thực hiện xã hội hóa tiêm phòng (người nuôi chó chi trả kinh phí tiêm phòng).

- Chủ nuôi chó phải chấp hành tiêm phòng vacxin dại cho chó nuôi. Nếu không chấp hành sẽ bị xử phạt vi phạm theo quy định của chính phủ (Nghị định 119/2013/NĐ-CP) và bị cưỡng chế tiêm phòng.

3.3. Điều trị dự phòng sau phơi nhiễm cho người

- Xử lý kịp thời và đúng cách các trường hợp vết thương do chó cắn, các vết thương hở bị chó, mèo liếm, cào,...

- Xây dựng kế hoạch quốc gia về cung ứng, sử dụng vaccin phòng dại cho người bị chó cắn hay người có nguy cơ cao.

- Kiện toàn các điểm tiêm vaccin/huyết thanh kháng dại cho điều trị dự phòng trước phơi nhiễm cho người có nguy cơ cao và sau phơi nhiễm cho người bị chó cắn nhằm đảm bảo khả năng dễ tiếp cận, giá thành thấp, đặc biệt ở khu vực có nguy cơ cao. Về nguyên tắc, mỗi huyện có ít nhất 1 điểm tiêm có đủ cơ sở vật chất và cán bộ được đào tạo theo đúng qui định về tổ chức một điểm tiêm chủng. Tùy tình hình cụ thể, có thể thành lập thêm các điểm tiêm nhằm tăng khả năng tiếp cận với vaccin cho người dân.

- Đảm bảo đủ trang thiết bị, vaccin và huyết thanh kháng dại đã được cấp phép sử dụng có chất lượng cao, an toàn, ít phản ứng phụ cho các điểm tiêm phòng.

Lựa chọn đường tiêm vaccin phù hợp. Cần nhắc việc tiêm trong da thay vì tiêm bắp vì tiêm trong da có giá thành thấp hơn nhiều và hiệu quả tiêm phòng của 2 phác đồ này là như nhau.

Khuyến khích các địa phương hỗ trợ tiêm vaccin miễn phí cho người nghèo ở khu vực có nguy cơ cao như vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn hay tiêm vaccin miễn phí dự phòng trước phơi nhiễm cho người có nguy cơ cao như các cán bộ làm các công việc lấy bệnh phẩm, xét nghiệm, tiêm vaccin dại cho chó.

- Dự trữ kinh phí và vaccin cho công tác phòng chống dịch. Đưa bảo hiểm tiêm vaccin phòng bệnh dại cho người vào nội dung bảo hiểm y tế.

- Xây dựng khung theo dõi, giám sát và đánh giá tỷ lệ tiêm phòng vaccin dại cho người nhằm đảm bảo đạt mục tiêu đề ra.

3.4. Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 119/2013/NĐ-CP về xử phạt hành chính trong lĩnh vực thú y, theo đó đề nghị tăng mức xử phạt vi phạm trong phòng, chống bệnh dại ở động vật;

- Đề xuất chính phủ xem xét, bổ sung vaccin dại cho động vật vào chương trình 30a để hỗ trợ cho các huyện nghèo, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

- Lập quỹ dự phòng vaccin dại do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý để tiêm bao vây khẩn cấp ổ dịch dại trên đàn chó (ít nhất là 500 nghìn liều vaccin).

- Xây dựng chính sách hỗ trợ tiêm phòng vaccin dại cho nhân viên thú y/ y tế/ người tham gia phòng chống bệnh dại trước phơi nhiễm và điều trị dự phòng sau phơi nhiễm.

- Bổ sung chính sách bảo hiểm y tế đối với người bị chó cắn, bảo hiểm trách nhiệm dân sự với người nuôi chó.

- Bổ sung chính sách, tăng cường hỗ trợ vaccin dại cho người nghèo ở khu vực có nguy cơ cao như vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Tổ chức tuyên truyền phổ biến các văn bản pháp luật quy định về phòng, chống bệnh dại, quy định về nuôi chó và quản lý chó nuôi, các chính sách của nhà nước; tổ chức thanh kiểm tra việc thực hiện văn bản và xử lý các vi phạm theo qui định.

3.5. Thông tin, tuyên truyền

3.5.1. Nội dung truyền thông

- Phối hợp liên ngành truyền thông về chiến dịch tiêm phòng cho chó trong tháng cao điểm tiêm phòng bệnh dại, nuôi chó phải chấp hành tiêm phòng vaccin dại cho chó; công khai những hộ nuôi chó không chấp hành tiêm phòng vaccin dại cho chó nuôi trên đài truyền thanh của xã;

- Tuyên truyền về việc hạn chế nuôi chó, gia

đình có nhu cầu nuôi chó thì chỉ nên nuôi 1 con để giảm tổng đàn chó của Việt Nam, nuôi chó phải đăng ký với địa phương và thực hiện xích hoặc nhốt chó, đưa chó ra nơi công cộng phải đeo rọ mõm cho chó và có người dắt.

- Tuyên truyền nâng cao hiểu biết về sự nguy hiểm của bệnh dại, hướng dẫn người bị chó cắn xử lý y tế ban đầu ngay sau khi bị chó cắn và đến các cơ sở y tế để được điều trị dự phòng kịp thời.

- Thực hiện truyền thông học đường về phòng, chống bệnh dại, hướng dẫn học sinh cách hạn chế bị chó cắn và cách xử trí sau khi bị chó cắn.

- Phát động và tổ chức ngày “Thế giới phòng chống bệnh dại” vào ngày 28/9 hàng năm tại Việt Nam.

- Tăng cường truyền thông, vận động cộng đồng cùng tham gia giám sát, phòng chống bệnh dại; phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng chống bệnh dại cho cộng đồng và trách nhiệm của người nuôi chó.

- Tuyên truyền việc xây dựng vùng an toàn bệnh dại.

3.5.2. Hình thức thông tin, tuyên truyền

a) Trung ương

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam và các cơ quan báo chí thực hiện chương trình truyền thông về bệnh dại.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thống nhất hình thức truyền thông học đường về bệnh dại.

b) Địa phương

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế cung cấp tài liệu truyền thông cho các địa phương để phát sóng trên đài truyền hình và đài phát thanh của địa phương; cung cấp các mẫu tờ rơi, sách hướng dẫn phòng chống bệnh dại để các địa phương tổ chức in ấn và

phát hành.

- Các địa phương tổ chức thực hiện công tác truyền thông tại địa phương (phát sóng trên đài truyền hình, đài phát thanh của địa phương; in ấn và phát hành tờ rơi, sách hướng dẫn phòng chống bệnh dại, truyền thông học đường,...); chủ động xây dựng thông điệp truyền thông cho phù hợp với đặc điểm dân cư trên địa bàn và phát trên loa truyền thanh/ loa phát thanh của xã, phường; truyền thông trực tiếp tại cộng đồng; truyền thông qua mạng xã hội.

- Tăng cường phối hợp với các tổ chức quốc tế trong các hoạt động truyền thông phòng, chống bệnh dại.

3.6. Nâng cao năng lực của hệ thống giám sát

- Giám sát lâm sàng là chủ yếu với sự hỗ trợ và tham gia của cộng đồng dân cư và cấp trưởng thôn, nhân viên thú y xã, cộng tác viên y tế, thú y thôn bản; thực hiện giám sát chủ động tại một số điểm giết mổ chó, trên động vật hoang dã nhằm đánh giá lưu hành của virus dại.

- Tổ chức tập huấn chuyên môn cho cán bộ thú y, y tế dự phòng để nâng cao kỹ năng điều tra ổ dịch, thu thập thông tin dịch tễ về bệnh dại.

- Thực hiện lấy mẫu xét nghiệm đối với chó có dấu hiệu mắc bệnh hoặc mắc bệnh dại, bệnh nhân được chẩn đoán lâm sàng là nghi mắc bệnh dại.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi và đánh giá việc thực hiện chương trình nhằm điều chỉnh kế hoạch kịp thời; thiết lập các chỉ số để đánh giá hiệu quả của chương trình can thiệp.

- Hằng năm, lập bản đồ dịch tễ phân bố đàn chó, người bị phơi nhiễm với virus dại, các ca bệnh dại trên người và động vật để xác định khu vực có nguy cơ cao mắc bệnh dại nhằm ưu tiên tập trung các nguồn lực trong công tác phòng chống bệnh dại.

3.7. Điều tra và xử lý ổ dịch

- Điều tra, xử lý các ổ dịch bệnh dại trên người và động vật theo hướng tiếp cận Một sức khỏe, có sự phối hợp của ngành thú y và y tế,

bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Căn cứ thực tế tình hình dịch bệnh đại trên động vật và đề nghị của địa phương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét hỗ trợ vaccin từ quỹ dự phòng vaccin đại; các địa phương tổ chức tiêm phòng khẩn cấp vaccin đại cho đàn chó để bao vây ổ dịch.

- UBND cấp xã thành lập đội bắt chó có dấu hiệu mắc bệnh, mắc bệnh đại và chó thả rông trong vùng có ổ dịch đại để xử lý.

- Căn cứ thực tế tình hình dịch bệnh đại trên người và đề nghị của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ vaccin từ quỹ dự phòng vaccin đại; các địa phương tổ chức tiêm phòng khẩn cấp vaccin đại cho người bị chó, mèo cắn phải điều trị dự phòng.

3.8. Nâng cao năng lực chẩn đoán, xét nghiệm

- Nâng cao năng lực chẩn đoán, xét nghiệm bệnh đại cho 4 phòng xét nghiệm của ngành Thú y (Trung tâm Chẩn đoán Thú y Trung ương, Cơ quan Thú y vùng V, Cơ quan Thú y vùng VI và Chi cục Thú y Thành phố Hồ Chí Minh) và 2 phòng xét nghiệm của ngành Y tế (Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương và Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh).

3.9. Kiểm soát vận chuyển chó

- Kiểm soát chặt và xử lý nghiêm các hành vi vận chuyển chó bất hợp pháp qua biên giới theo quy định của pháp luật về thú y.

- Tăng cường kiểm dịch vận chuyển chó trong nước, tập trung kiểm soát việc vận chuyển chó với số lượng lớn.

3.10. Tập huấn chuyên môn cho người tham gia phòng, chống bệnh đại

3.10.1. Trung ương

a) Tài liệu tập huấn

Chuẩn hóa chương trình tập huấn và tài liệu đào tạo về phòng chống bệnh đại cho hệ thống y tế, thú y.

b) Nội dung tập huấn

- Tập huấn kỹ năng tư vấn, chỉ định và tiêm vaccin phòng đại cho cán bộ y tế ở các điểm tiêm vaccin phòng đại cho người. Thực hiện đúng các qui định về bảo quản và vận chuyển vaccin, và theo dõi sau tiêm, đảm bảo an toàn tiêm chủng.

- Tập huấn kỹ thuật nhằm tăng cường năng lực thu thập, bảo quản và vận chuyển mẫu bệnh phẩm động vật nghi mắc bệnh đại, bảo đảm an toàn cho người thực hiện và chất lượng của mẫu.

- Tập huấn kỹ năng điều tra, giám sát, chẩn đoán xác định bệnh đại (ở chó và ở người), phân tích tình hình dịch tễ, xác định vùng/nhóm người có nguy cơ lây truyền bệnh đại, tiêm phòng vaccin đại cho chó và cho người có nguy cơ cao, xử trí vết cắn và điều trị dự phòng đại cho người bị chó cắn, xử lý ổ dịch bệnh đại.

- Tập huấn quản lý đàn chó, kỹ năng bắt chó thả rông.

- Tập huấn kỹ năng truyền thông cộng đồng trong công tác phòng, chống bệnh đại.

- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ Chi cục Thú y/Chăn nuôi và Thú y và Trung tâm Y tế dự phòng thành các giảng viên nguồn cho địa phương (ToT).

3.10.2. Địa phương

Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ trong hệ thống Thú y, Y tế và những người có liên quan đến công tác phòng, chống bệnh đại tại địa phương.

3.11. Xây dựng vùng an toàn bệnh đại

- Khuyến khích các thành phố, thị xã, các huyện nơi có khu du lịch xây dựng vùng an toàn bệnh đại để đảm bảo an toàn cho cộng đồng, thu hút du khách tới du lịch, tham quan.

- Việc xây dựng vùng an toàn dịch bệnh đối với bệnh đại thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT.

- Tổ chức tiêm phòng và thí điểm đeo thẻ (vòng cổ có thẻ nhựa hoặc kim loại) cho chó

được tiêm phòng vaccin dại trong vùng an toàn bệnh dại và các vùng có điều kiện áp dụng.

- Cấp chứng chỉ công nhận địa phương (xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố) không có bệnh dại.

3.12. Nghiên cứu khoa học

Dựa trên sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và các đối tác khác, tiến hành các nghiên cứu nhằm thu thập và sử dụng các bằng chứng cho việc xây dựng các chiến lược và kế hoạch phòng chống bệnh dại phù hợp và có hiệu quả hơn, cũng như đánh giá hiệu quả của các can thiệp. Các nghiên cứu cần được thực hiện gồm:

- Nghiên cứu sản xuất trong nước vaccin dại tế bào cho người, để giảm giá vaccin, tăng tỷ lệ tiếp cận với vaccin dự phòng trước và sau phơi nhiễm cho người.

- Nghiên cứu chi phí, hiệu quả của chương trình phòng chống bệnh dại quốc gia.

- Đánh giá thực trạng người bị chó mèo cắn và đi tiêm vaccin phòng dại.

- Nghiên cứu phác đồ điều trị cho người mắc bệnh dại, giảm đau cho người mắc bệnh dại.

- Nghiên cứu và đề xuất mô hình cộng đồng phòng chống bệnh dại.

- Nghiên cứu xác định các yếu tố hỗ trợ và cản trở cho việc thực hiện trách nhiệm của chủ chó nuôi.

- Triển khai đánh giá hiệu quả của hoạt động tiêm vaccin phòng dại cho chó.

- Nghiên cứu chi tiết về sinh thái đàn chó nuôi, kiến thức, thái độ và thực hành quản lý đàn chó của người dân.

- Nghiên cứu về cơ chế chi trả nhằm huy động đóng góp về tài chính bao gồm chi phí cho đăng ký chó nuôi, tiêm vaccin cho chó, bảo hiểm chó...

- Nghiên cứu ước tính số lượng đàn chó, sự thay đổi đàn chó và khả năng tiếp cận với việc tiêm phòng vaccin cho chó.

IV. DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Cuối năm 2017, kiểm soát và thu hẹp địa bàn có dịch bệnh dại trên đàn chó và trên người trong cả nước dựa trên tập trung nguồn lực vào các tỉnh nguy cơ cao (có số người chết vì bệnh dại cao).

Cuối năm 2020, khống chế về cơ bản dịch bệnh dại trên chó và hằng năm giảm 20% số ca tử vong do dại, đến cuối năm 2020 giảm 60% số ca tử vong do dại trên người so với giai đoạn 2011-2015.

Các kết quả dự kiến đạt được cụ thể cho từng giải pháp như sau:

4.1. Về quản lý chó nuôi

a) Về lập danh sách hộ nuôi chó và số chó nuôi trong từng hộ (gọi chung là danh sách/ sổ quản lý chó nuôi) trên địa bàn thôn, ấp, bản hoặc đơn vị hành chính tương đương (gọi chung là thôn):

- *Đối với phường, thị trấn:* Đến năm 2017, ít nhất 70% số thôn trong phường, thị trấn lập được danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; năm 2018, 100% số thôn lập được danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; hằng năm phải cập nhật số liệu thống kê vào danh sách/ sổ quản lý chó nuôi;

- *Đối với xã thuộc huyện đồng bằng, trung du, miền núi:* đến năm 2017, ít nhất 60% số thôn lập được danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; năm 2018, ít nhất 75% số thôn lập được danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; năm 2019, ít nhất 90% số thôn lập được danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; năm 2020, 100% số thôn lập được danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; hằng năm phải cập nhật số liệu thống kê vào danh sách/ sổ quản lý chó nuôi;

- *Đối với xã thuộc khu vực vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn:* đến năm 2017, ít nhất 50% số thôn lập được danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; năm 2018, ít nhất 65% số thôn lập được danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; năm 2019, ít nhất 80% số thôn lập được danh

sách/ sổ quản lý chó nuôi; năm 2020, trên 90% số thôn lập được danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; hằng năm phải cập nhật số liệu thống kê vào danh sách/ sổ quản lý chó nuôi;

b) Về lập danh sách/ sổ quản lý chó nuôi trên địa bàn xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã):

- *Đối với phường, thị trấn:* đến năm 2017, ít nhất 80% số xã có danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; năm 2018, 100% số xã có danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; hằng năm phải cập nhật số liệu thống kê vào danh sách/ sổ quản lý chó nuôi;

- *Đối với xã thuộc huyện đồng bằng, trung du, miền núi:* đến năm 2017, ít nhất 60% số xã có danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; năm 2018, ít nhất 75% số xã có danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; năm 2019, ít nhất 90% số xã có danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; năm 2020, 100% số xã có danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; hằng năm phải cập nhật số liệu thống kê vào danh sách/ sổ quản lý chó nuôi;

- *Đối với xã thuộc khu vực vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn:* đến năm 2017, ít nhất 50% số xã có danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; năm 2018, ít nhất 65% số xã có danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; năm 2019, ít nhất 80% số xã có danh sách/ sổ quản lý chó nuôi; năm 2020, trên 90% số xã có danh sách/ sổ quản lý chó nuôi;

4.2. Về tiêm phòng vaccin đại cho đàn chó

Tỷ lệ tiêm phòng vaccin đại trên tổng đàn chó được nâng cao qua từng năm, cụ thể:

- *Đối với phường, thị trấn:* đến năm 2017, tỷ lệ tiêm phòng vaccin đại đạt ít nhất 60% tổng đàn; năm 2018, tỷ lệ tiêm phòng vaccin đại đạt ít nhất 70%; năm 2019, tỷ lệ tiêm phòng vaccin đại đạt ít nhất 80%; năm 2020, tỷ lệ tiêm phòng vaccin đại đạt trên 90%;

- *Đối với xã thuộc huyện đồng bằng, trung du, miền núi:* đến năm 2017, tỷ lệ tiêm phòng vaccin đại đạt ít nhất 50% tổng đàn; năm 2018, tỷ lệ tiêm phòng vaccin đại đạt ít nhất 60%; năm 2019, tỷ lệ tiêm phòng vaccin đại đạt ít nhất 70%; năm 2020, tỷ lệ tiêm phòng vaccin đại đạt

trên 80%;

- *Đối với xã thuộc khu vực vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn:* đến năm 2017, tỷ lệ tiêm phòng vaccin đại đạt ít nhất 45% tổng đàn; năm 2018, tỷ lệ tiêm phòng vaccin đại đạt ít nhất 55%; năm 2019, tỷ lệ tiêm phòng vaccin đại đạt ít nhất 65%; năm 2020, tỷ lệ tiêm phòng vaccin đại đạt trên 70%;

4.3. Về điều trị dự phòng sau phơi nhiễm bệnh dại trên người

- Năm 2017, có 65% người phơi nhiễm với động vật nghi dại được xử lý vết cắn theo đúng quy định, tiến đến 2020 con số này sẽ đạt tới 80% số người bị chó, mèo cắn.

- Năm 2017, 70% người phơi nhiễm với động vật nghi dại đến cơ sở y tế được tư vấn và được chỉ định tiêm phòng vaccin theo qui định, tiến đến 2020 là 80% bệnh nhân được tư vấn.

- Năm 2017, giảm 20% số ca bệnh dại ở người so với năm 2016 (giảm, từ 78 xuống còn 63 ca). Đến cuối 2020 giảm 60% số ca tử vong so với trung bình giai đoạn 2011-2015.

4.4. Về tăng cường áp dụng chế tài xử lý

- Các xã, phường, thị trấn thành lập đội bắt chó thả rong, chó mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh dại để xử lý ổ dịch dại theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

- Các xã, phường, thị trấn quy định việc bắt giữ đối với chó thả rong ở nơi công cộng, nơi đông dân cư, khu đô thị; công khai địa điểm tạm giữ chó bị bắt giữ để chủ vật nuôi đến nhận; áp dụng các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính đối với chủ vật nuôi; quyết định biện pháp xử lý bắt buộc đối với chó bị bắt giữ trong trường hợp sau 48 giờ kể từ khi có thông báo mà không có người nhận theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

4.5. Truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của cộng đồng

- Cuối năm 2017, 70% số tỉnh, thành phố thực hiện các hoạt động truyền thông phòng, chống bệnh dại. Đến 2020, 100% số tỉnh, thành phố thực hiện thí điểm truyền thông phòng, chống bệnh dại.

- Cuối 2017, 30% số tỉnh, thành phố triển khai truyền thông học đường về phòng chống bệnh dại. Đến 2020, 85% số tỉnh, thành phố triển khai truyền thông học đường về phòng chống bệnh dại.

- Cuối 2017, 70% chủ vật nuôi được cung cấp kiến thức về các biện pháp phòng chống bệnh dại trên người và động vật. Đến 2020, 90% chủ vật nuôi được cung cấp kiến thức về các biện pháp phòng chống bệnh dại trên người và động vật.

4.6. Nâng cao năng lực hệ thống giám sát bệnh dại

- Năm 2017, 70% số tỉnh củng cố được hệ thống giám sát dịch bệnh và tiêm phòng ở chó. Năm 2020, 100% số tỉnh củng cố được hệ thống.

- Năm 2017, 95% số huyện củng cố được hệ thống giám sát dịch bệnh và tiêm phòng ở người. Năm 2020, 98% số huyện củng cố được hệ thống giám sát bệnh dại.

4.7. Điều tra và xử lý ổ dịch

- Năm 2017, 50% các ổ dịch dại trên động vật được phát hiện, điều tra và xử lý kịp thời. Năm 2020, 80% ổ dịch dại trên động vật được phát hiện, điều tra và xử lý kịp thời.

- Năm 2017, 95% ca bệnh dại ở người được điều tra và xử lý theo quy định; đến cuối năm 2020 có 99% ca bệnh dại ở người được điều tra và xử lý theo quy định.

4.8. Về tăng cường năng lực chẩn đoán, xét nghiệm

- Ít nhất có 1 phòng xét nghiệm bệnh dại ở người và 1 phòng xét nghiệm bệnh dại ở động vật được xây dựng và duy trì đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Năm 2017, 50% các ca dại ở người được chẩn đoán xác định. Về xét nghiệm, tiến đến 2020 là 90% ca bệnh nghi ngờ được xét nghiệm.

4.9. Tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ y tế và thú y

Cuối 2017, 70% cán bộ y tế và thú y tham gia vào chương trình phòng chống bệnh dại ở các tỉnh, thành phố được tập huấn về phòng chống bệnh dại. Đến 2020, tỷ lệ này là 100%.

4.10. Về kiểm soát bệnh dại trên động vật

Năm 2015, cả nước đã có 55% số tỉnh (35 tỉnh), thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là tỉnh) không có bệnh dại trên động vật.

- Năm 2017, ít nhất 65% số tỉnh (41 tỉnh) không có bệnh dại trên đàn chó;

- Năm 2018, ít nhất 75% số tỉnh (48 tỉnh) không có bệnh dại trên đàn chó;

- Năm 2019, ít nhất 85% số tỉnh (54 tỉnh) không có bệnh dại trên đàn chó;

- Năm 2020, trên 90% số tỉnh (56 tỉnh) không có bệnh dại trên đàn chó.

4.11. Nghiên cứu khoa học

100% kết quả nghiên cứu dựa trên đầu ra của nhà tài trợ góp phần cung cấp thông tin cho việc hoạch định chính sách và chiến lược của công cuộc phòng chống bệnh dại ./.